TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 05 tháng 7 năm 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông RChâm Đương và ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H1, địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/7/2018, bà Vũ Thị T cho ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là một tháng.

Ngày 28/12/2018 âm lịch, bà Vũ Thị T cho ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 28/02/2019.

Quá thời hạn vay nhưng ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H chưa trả tiền nợ gốc, tiền lãi. Bà Vũ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 06/8/2018 với mức lãi suất 09%/năm cho đến khi trả xong nợ.

Buộc ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H trả số tiền nợ gốc 200.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 28/12/2018 âm lịch (ngày 02/02/2019) cho đến khi trả hết nợ.

- *Ý kiến của bị đơn là ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên Tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Giấy vay tiền ngày 06/7/2018 (BL47) và Giấy vay tiền ngày 28/12/2018 âm lịch (BL48), có chữ ký ghi tên Mai Văn Ch và Đỗ Thị H, có nội dung thể hiện phù hợp với nội dung mà nguyên đơn đã trình bày. Tòa án đã tống đạt bằng phương thức niêm yết đơn khởi kiện cùng với các giấy vay tiền tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ là các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là có thật.

[3] Nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả nợ gốc, nợ lãi. Bị đơn không cung cấp chứng cứ để chứng minh về việc đã trả nợ gốc, nợ lãi. Do đó, có căn cứ xác định ý kiến trình bày của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".

"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả".

[5] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và thời hạn trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền nợ gốc và tiền lãi là phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với lần vay tiền ngày 06/7/2018 được xác định là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn 01 tháng nhưng không có lãi. Số tiền còn nợ gốc được xác định là 30.000.000đ, số tiền còn nợ lãi tính từ ngày 07/8/2018 cho đến ngày xét xử 07/5/2022, với mức lãi suất 9%/năm là 10.570.685đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất do chậm trả tiền tại thời điểm xét xử là 10%/năm, nguyên đơn yêu cầu 9%/năm nên được chấp nhận. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi với mức lãi với mức lãi suất 9%/năm

[7] Số tiền còn nợ gốc đối với lần vay tiền ngày 28/12/2018 âm lịch (02/02/2019 dương lịch) là 200.000.000đ và tiền nợ lãi tính từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày xét xử 05/7/2022 với mức lãi suất 1%/tháng là 82.126.027đ. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 1%/tháng là mức lãi suất cho vay trong hạn đã thỏa thuận và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do đó, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất là 12%/năm.

[8] Tổng cộng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 230.000.000đ, nợ lãi là 92.696.712đ.

[9] Về án phí: Bị đơn là người phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự là 16.134.836đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T

1.1. Buộc ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Vũ Thị T số tiền nợ gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi 10.570.685đ (mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị T, ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án với mức lãi suất 9%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.2. Buộc ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Vũ Thị T số tiền nợ gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và nợ lãi 82.126.027đ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 12%/năm.

2. Về án phí:

Ông Mai Văn Ch và bà Đỗ Thị H phải chịu 16.134.836đ (mười sáu triệu một trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Vũ Thị T 7.909.000đ (bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008459 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy